

Thị trường điều chỉnh trở lại khi chạm kháng cự 920 điểm

Diễn biến phiên giao dịch hôm nay khá giống phiên giao dịch trước đó khi thị trường chỉ duy trì đà hưng phấn ở đầu phiên giao dịch do hiệu ứng tăng mạnh của các thị trường chứng khoán quốc tế. Dòng tiền không đủ mạnh để tạo ra sự bứt phá và khi VNIndex chạm vào kháng cự 920 điểm đã xuất hiện lực cung bán dội lại. Nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn giao dịch tiêu cực trong phiên hôm nay đã khiến các chỉ số rơi vào giảm điểm nhưng mức độ phân hóa vẫn tích cực. VNIndex đóng cửa ở 910.65 điểm giảm 5.19 điểm và VN30 đóng cửa ở 866.06 điểm giảm 3.1 điểm với thanh khoản toàn thị trường khi loại bỏ giao dịch thỏa thuận cải thiện nhẹ ở mức 2.600 tỷ đồng

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn phần đa giảm điểm dẫn đầu là VHM; BVH; CTG; HPG; MSN; VNM; VRE; BID;...tạo ra áp lực lớn cho các chỉ số. Trong khi ở chiều tăng mức tăng nhẹ của VCB; VPB; PLX; STB; MBB; HDB tạo ra một chút lực cản giúp giảm bớt áp lực giảm điểm của chỉ số. Nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng phần lớn vẫn tăng điểm như STB +2.5%; HDB +1.7%; EIB +1.2%; VPB +1.5%; MBB; ACB; VCB tăng nhẹ trong khi ở chiều giảm CTG -3.7% sau khi công bố KQKD Q4/2018 thua lỗ; BID; TCB; TPB giảm nhẹ. Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán diễn biến trái chiều với HCM +1.3%; SSI; SHS tăng nhẹ trong khi VCI -2.4%; FTS -1.5% và VND; MBS đóng cửa ở tham chiếu. Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí tiếp tục hồi phục như OIL +2.1%; BSR +1.6%; PLX +1.1%; PVD đóng cửa ở tham chiếu và GAS; PVS giảm nhẹ. Số lượng cổ phiếu tăng giá nhiều hơn số lượng cổ phiếu giảm giá nhưng các chỉ số vẫn giảm điểm do tác động giảm của một số cổ phiếu vốn hóa lớn. Các cổ phiếu giao dịch nổi bật trong phiên hôm nay là STB +2.5%; PC1 +2.8%; DGW +2.6%; GIL +5.9%; VSC +2.3%; VTP +6.6%; VEA +4.9%; MSR +3.9%; OIL +2.1%...trong khi ở chiều tiêu cực là HPG -4.5%; CTG -3.7%; MPC -2.8%; VHM -2.4%; POW -2.1%; CII -3%...

Khối nhà đầu tư ngoại giao dịch rất sôi động trong phiên hôm nay và khối này bán ròng hơn 120 tỷ trên sàn HOSE. Các cổ phiếu chịu áp lực bán ròng là HPG -2 triệu cổ phiếu; VIC; DHG; VHM; PLX; VRE; GAS; NVL; MSN; VJC....và ở chiều ngược lại khối này mua ròng tập trung vào STB +2.1 triệu cổ phiếu; VCB; POW; SSI; DPM; E1VFN30; ...

Phiên điều chỉnh diễn ra như chúng tôi trao đổi trong bản tin ngày hôm qua khi chúng tôi đánh giá các chỉ số sẽ có áp lực điều chỉnh trở lại khi chạm vùng kháng cự. Mặc dù bối cảnh của các thị trường chứng khoán quốc tế khá tích cực và thuận lợi nhưng nhìn chung dòng tiền vẫn yếu và tâm lý lo ngại kỳ nghỉ lễ dài trong khi các chỉ số chứng khoán lớn hoàn toàn có thể điều chỉnh trở lại trong thời gian thị trường Việt nam nghỉ lễ. Ngoài ra, áp lực tái cơ cấu của E1VFN30 cũng sẽ tạo ra những rào cản tâm lý nhất định cho các cổ phiếu bị bán ra trong danh mục này. Chúng tôi đánh giá sự điều chỉnh này là hoàn toàn bình thường và vẫn duy trì góc nhìn rất tích cực cho triển vọng hồi phục ngắn hạn của thị trường. Các cơ hội tăng giá vẫn diễn ra có chọn lọc ở những cổ phiếu có câu chuyện cơ bản nổi bật và nhà đầu tư nên đợi các phiên điều chỉnh để mua vào.

Thống kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	910.7	102.9
% Thay đổi	-0.57	0.07
Khối lượng	138.0	21.0
Giá trị (tỷ đồng)	3,180.8	243.2
Số mã tăng	143	62
Số mã giảm	126	63
Không thay đổi	106	252

Hàng hóa & Tiền tệ	Đóng cửa	Thay đổi (%)
Gold(USD/Oz)	1,323	0.97
WTI Oil (\$/B) 1Mth	54	0.07
Brent Oil (\$/B) 1Mth	62	0.50
USDVND	23,201	0.01
EURVND	26,662	-0.48

Nguồn: Bloomberg

VNINDEX



HNX-INDEX



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng (%)	Thay đổi (%)	P/E (lần)	P/B (lần)
Tiêu dùng thiết yếu	2.96	-0.07%	16.21	3.49
Thực phẩm và đồ uống	18.92	-0.52%	29.49	7.57
Năng lượng	2.79	0.97%	17.87	2.81
Tài chính	26.12	-0.52%	16.85	2.30
Y tế	0.95	1.50%	17.59	2.71
Công nghiệp	7.46	0.21%	19.37	3.31
Công nghệ thông tin	1.00	-0.01%	12.22	2.15
Vật liệu và hóa chất	3.90	-2.21%	16.68	1.40
Bất động sản	26.97	-0.90%	51.99	3.99
Dịch vụ tiện ích	7.12	-0.11%	13.60	3.26

Thị trường	Đóng cửa	Thay đổi (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	Vốn hóa (Tỷ USD)
China	3,201.6	1.05%	11.95	1.55	3,819.5
India	10,831.0	1.68%	22.92	2.91	1,088.9
Indonesia	6,533.0	1.06%	20.96	2.39	526.8
Laos	825.5	1.32%	4.94	0.30	1.1
Malaysia	1,683.5	-0.03%	19.05	1.74	260.8
Philippines	8,007.5	0.34%	20.32	2.14	190.9
Taiwan	9,932.3	0.01%	12.90	1.50	965.9
Thailand	1,641.7	0.56%	15.18	1.92	532.4
Vietnam	910.7	-0.57%	15.91	2.41	129.3

Nguồn: Bloomberg

HOSE				
TOP kéo VN Index tăng				
Cổ phiếu	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Khối lượng giao dịch	Đóng góp vào VN Index
PLX	53,900	1.1	911,200	0.237
VPB	20,200	1.5	2.39MLN	0.225
STB	12,300	2.5	5.06MLN	0.172
HDB	30,500	1.7	762,510	0.149
VCB	56,800	0.2	1.15MLN	0.113

TOP kéo VN Index giảm				
Cổ phiếu	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Khối lượng giao dịch	Đóng góp vào VN Index
VHM	80,000	-2.4	773,010	-2.041
BVH	92,200	-4.5	79,540	-0.918
CTG	19,700	-3.7	9.04MLN	-0.851
HPG	27,700	-4.5	7.17MLN	-0.841
MSN	77,700	-1.8	721,900	-0.496

HNX				
TOP kéo HNX Index tăng				
Cổ phiếu	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Khối lượng giao dịch	Đóng góp vào HNX Index
ACB	29,400	0.3	1.67MLN	0.124
NVB	8,300	2.5	11,200	0.058
VGC	19,800	0.5	1.41MLN	0.021
VCG	24,400	1.2	908,990	0.020
VNR	21,900	6.3	1,110	0.017

TOP kéo HNX Index giảm				
Cổ phiếu	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Khối lượng giao dịch	Đóng góp vào HNX Index
HGM	45,900	-10.0	100	-0.029
PVS	18,500	-0.5	2.10MLN	-0.024
SHN	9,500	-2.1	1,400	-0.024
CDN	15,500	-8.3	150	-0.021
CEO	12,800	-1.5	1.16MLN	-0.020

TIN QUỐC TẾ

Fed phát tín hiệu dừng tăng lãi suất - Kết thúc phiên họp chính sách tháng 1, Fed cho biết sẽ giữ thái độ kiên nhẫn trước khi đưa ra bất kỳ động thái nào, đồng thời quyết định từ bỏ cam kết tiếp tục tăng dần lãi suất. Chủ tịch Fed Jerome Powell cho biết Fed ngày càng khó tiếp tục tăng lãi suất trong vài tuần gần đây, do kinh tế Mỹ phải đối mặt với triển vọng không chắc chắn khi tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm chạp và mâu thuẫn nội bộ dẫn tới đợt đóng cửa chính phủ dài kỷ lục 35 ngày. Ngoài ra, Fed giữ nguyên mức lãi suất hiện tại trong khoảng 2,25 – 2,5%. Nếu tiếp tục tăng lãi suất, Fed sẽ còn rất ít dư địa để xoay xở khi xảy ra suy thoái trong tương lai.

TIN DOANH NGHIỆP

CTG - Bất ngờ báo lỗ trong Quý 4 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank – CTG) vừa công bố báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý 4/2018. Trong quý cuối cùng của năm 2018 ngân hàng lỗ tới 853 tỷ đồng trước thuế, trong khi cùng kỳ năm 2017 lãi 1.974 tỷ đồng. Do lỗ nặng ở quý 4 nên cả năm 2018 ngân hàng này chỉ ghi nhận lợi nhuận trước thuế 6.742 tỷ đồng, giảm 26,7% so với năm 2017. Lý do khiến cho lợi nhuận của VietinBank sụt mạnh trong quý 4 chủ yếu do chi phí lãi tăng đột biến.

VIC - Lãi hơn 6.000 tỷ năm 2018 - Theo BCTC hợp nhất quý IV, CTCP Tập đoàn Vingroup (HOSE: VIC) ghi nhận doanh thu thuần 38.427 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ 2017. Trừ các chi phí, VIC ghi nhận lãi trước thuế đạt 4.989 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2017. Lợi nhuận sau thuế 2.766 tỷ đồng, giảm 4%, trong đó lãi ròng cổ đông công ty mẹ ở mức 1.638 tỷ đồng. Lũy kế năm, Vingroup ghi nhận doanh thu thuần đạt 122.575 tỷ đồng, tăng 37%, vượt nhẹ kế hoạch. Lãi trước thuế 13.814 tỷ đồng, tăng 52% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế 6.061 tỷ đồng, tăng 7%. Lãi ròng cổ đông công ty mẹ 3.346 tỷ đồng, giảm 25%.

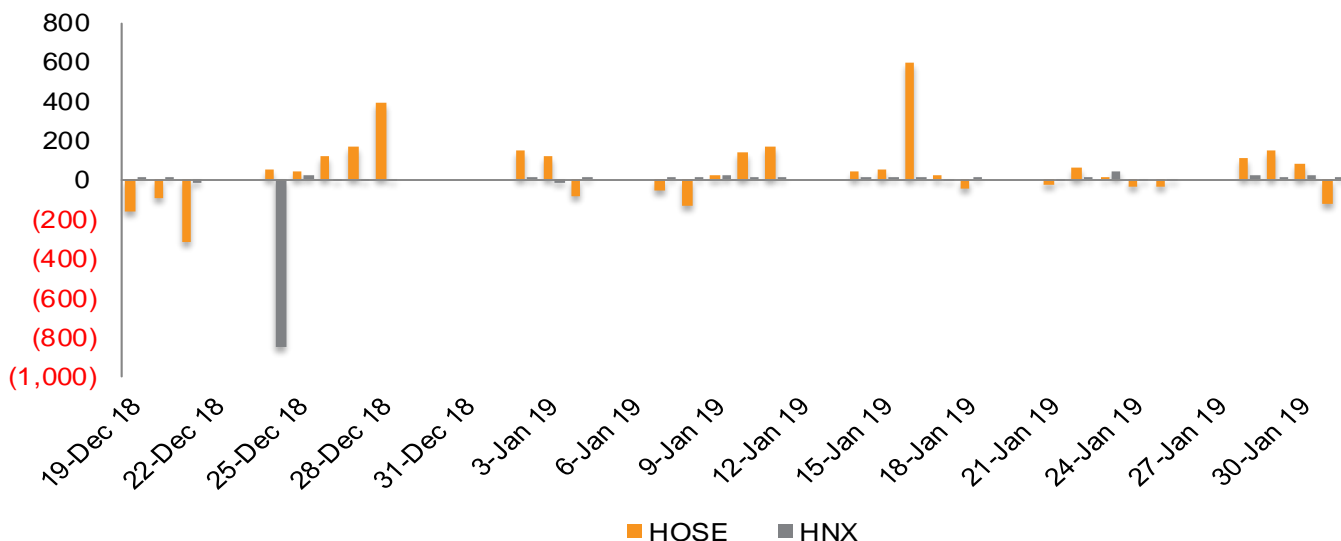
VNM - Lãi ròng hơn 10.200 tỷ năm 2018 - Theo báo cáo tài chính quý IV/2018, CTCP Sữa Việt Nam (Vinamilk - HoSE: VNM) ghi nhận doanh thu thuần tăng 5% lên trên 13.000 tỷ đồng. Công ty báo lãi sau thuế tăng 32% lên 2.284 tỷ đồng. Lợi nhuận thu về cho cổ đông công ty mẹ gần 2.300 tỷ đồng. Tính chung năm 2018, Vinamilk đạt 52.562 tỷ đồng doanh thu thuần tăng 3% so với cùng kỳ. Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ đạt 10.227 tỷ đồng giảm nhẹ so với cùng kỳ.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
MUA	19.5	0.9	MUA	677.6	16.9
% of market	14.4%	4.4%	% of market	23.2%	6.9%
BÁN	17.7	0.1	BÁN	804.7	1.6
% of market	13.2%	0.6%	% of market	27.6%	0.6%
MUA (BÁN) RÒNG	1.72	0.8	MUA (BÁN) RÒNG	(127.2)	15.3

Nguồn: HSX, HNX

Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)



LŨY KẾ 2018

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
MUA	4,625.8	420.3	MUA	260,245.0	7,651.2
% of market	9.4%	3.2%	% of market	19.5%	4.6%
BÁN	4,267.8	516.2	BÁN	219,041.2	9,527.6
% of market	8.7%	4.0%	% of market	16.4%	5.7%
MUA (BÁN) RÒNG	358.0	(95.9)	MUA (BÁN) RÒNG	41,204	(1,876.3)

Nguồn: HSX, HNX

GIAO DỊCH KHÓI NGOẠI

HOSE				
Nước ngoài mua nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị mua (Tỷ VNĐ)	Đóng góp VN Index
VNM	135,000	-0.37	132.9	-0.265
HPG	27,700	-4.48	64.8	-0.841
VRE	29,200	-0.34	61.0	-0.071
VHM	80,000	-2.44	51.6	-2.041
VCB	56,800	0.18	42.5	0.113

Nước ngoài bán nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị bán (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
VNM	135,000	-0.37	131.7	-0.265
HPG	27,700	-4.48	122.2	-0.841
VHM	80,000	-2.44	85.6	-2.041
VIC	103,900	0.00	84.3	0.000
VRE	29,200	-0.34	64.5	-0.071

Nước ngoài mua ròng nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị mua ròng (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
STB	12,300	2.50	26.7	0.172
VCB	56,800	0.18	26.1	0.113
POW	16,450	-2.08	12.3	-0.250
KBC	14,100	1.08	10.1	0.022
SSI	26,100	0.38	9.6	0.016

Nước ngoài bán ròng nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị bán ròng (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
HPG	27,700	-4.48	-57.4	-0.841
VIC	103,900	0.00	-47.8	0.000
DHG	85,000	1.19	-41.6	0.040
VHM	80,000	-2.44	-34.0	-2.041
PLX	53,900	1.13	-18.5	0.237

HNX				
Nước ngoài mua nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị mua (Tỷ VNĐ)	Đóng góp HNX Index
PVS	18,500	-0.54	9.3	0.000
VGC	19,800	0.51	7.0	0.000
API	21,100	-3.65	0.1	0.000
BVS	12,100	0.00	0.1	0.000
SHB	7,200	0.00	0.1	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị bán (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
INN	29,300	2.45	0.3	0.000
BVS	12,100	0.00	0.3	0.000
SHS	10,400	0.97	0.2	0.000
VGC	19,800	0.51	0.2	0.000
PVS	18,500	-0.54	0.1	0.000

Nước ngoài mua ròng nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị mua ròng (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
PVS	18,500	-0.54	9.2	0.000
VGC	19,800	0.51	6.8	0.000
TNG	17,500	1.16	0.1	0.000
API	21,100	-3.65	0.1	0.000
APS	3,000	0.00	0.0	0.000

Nước ngoài bán ròng nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị bán ròng (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
INN	29,300	2.45	-0.30	0.000
SHS	10,400	0.97	-0.24	0.000
BVS	12,100	0.00	-0.14	0.000
CMS	5,200	0.00	-0.10	0.000
THB	9,000	0.00	-0.05	0.000

Nguồn: Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 50 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá	% Thay đổi giá			Vốn hóa (Tỷ đồng)	CP lưu hành (Triệu CP)	Freefloat (%)	Room ngoại (%)	KLGDBQ 30 phiên	P/E	P/B	ROE (%)	ROA (%)
		1 tháng	3 tháng	6 tháng									
1 VIC	103,900	9.0	6.9	-2.3	331,609	3,192	57.6	31.8	454,457	95.5	6.0	10.3	1.7
2 VHM	80,000	9.0	20.5	-9.3	267,961	3,350	30.3	33.5	309,184	17.6	2.9	N/A	N/A
3 VNM	135,000	12.5	16.3	-3.7	235,090	1,741	46.2	40.5	638,707	25.5	9.1	37.5	28.4
4 VCB	56,800	6.2	2.2	-2.9	210,664	3,709	25.2	6.7	946,102	14.0	3.2	25.2	1.4
5 GAS	87,800	1.4	-15.6	0.0	168,045	1,914	4.2	45.5	405,968	14.1	3.7	27.8	19.4
6 SAB	233,000	-12.9	4.7	13.4	149,419	641	10.4	90.2	36,598	36.8	9.9	29.4	18.8
7 BID	31,500	-8.4	6.8	19.8	107,690	3,419	4.4	26.9	972,105	14.6	2.1	17.4	0.7
8 TCB	26,500	2.5	-1.5	-4.7	92,660	3,497	81.6	0.0	1,845,520	10.7	1.8	21.5	2.9
9 MSN	77,700	0.3	-6.4	-7.7	90,377	1,163	30.6	8.6	515,328	17.0	3.1	22.2	7.7
10 CTG	19,700	2.1	-15.8	-16.5	73,351	3,723	15.8	0.5	5,176,485	13.5	1.1	11.7	0.7
11 VRE	29,200	4.7	-2.0	-11.9	68,001	2,329	100.0	17.3	1,161,726	24.0	2.6	5.7	5.6
12 VJC	123,500	2.9	-7.6	-14.5	66,889	542	53.2	7.3	502,425	11.6	6.3	67.1	19.7
13 BVH	92,200	3.6	-6.0	18.1	64,622	701	31.2	24.2	63,502	53.4	4.4	8.4	1.3
14 PLX	53,900	1.7	-9.4	-10.9	62,460	1,159	6.3	9.3	376,568	16.4	3.2	19.5	6.2
15 HPG	27,700	-10.5	-31.2	-25.8	58,832	2,124	53.5	10.2	3,912,824	6.9	1.5	23.6	13.1
16 NVL	56,600	-11.8	-20.4	-8.7	52,663	930	32.4	31.7	502,444	16.4	3.0	14.2	3.8
17 VPB	20,200	1.3	-5.6	-25.5	49,626	2,457	69.0	0.0	1,857,223	6.7	1.4	22.8	2.4
18 MBB	21,900	12.6	0.0	-6.6	47,314	2,160	56.1	0.0	5,064,169	7.7	1.4	20.1	1.8
19 POW	16,450	N/A	N/A	N/A	38,524	2,342	90.0	33.8	N/A	23.0	1.6	6.8	2.8
20 MWG	83,000	-4.6	-1.9	-5.3	36,780	443	87.6	0.0	478,300	11.9	4.4	41.2	13.1
21 HDB	30,500	0.7	-7.0	-14.3	29,920	981	72.6	3.2	1,221,420	10.5	2.1	14.9	1.0
22 FPT	43,200	2.4	3.0	0.9	26,506	614	81.8	0.0	394,728	11.1	2.1	21.9	9.6
23 STB	12,300	2.9	-1.6	7.4	22,185	1,804	94.0	10.4	3,543,092	12.4	0.9	7.5	0.5
24 EIB	16,700	18.9	21.9	18.9	20,532	1,229	79.0	0.0	187,606	31.1	1.4	4.5	0.4
25 BHN	78,500	-3.1	-4.5	-5.0	18,196	232	0.9	31.4	379	34.5	4.3	10.7	5.7
26 ROS	31,450	-18.7	-17.6	-26.2	17,851	568	27.0	46.9	3,220,370	83.5	3.0	3.7	2.0
27 TPB	20,800	4.3	3.1	4.5	17,692	851	70.6	0.0	273,489	9.5	1.7	21.2	1.4
28 PNJ	95,000	1.9	-2.1	-1.6	15,865	167	69.4	0.0	195,309	16.2	4.2	28.7	17.8
29 SSI	26,100	-2.1	-8.9	-9.7	13,289	509	64.3	42.9	1,409,231	10.0	1.5	14.8	6.1
30 HNG	14,300	-10.6	0.7	-17.1	12,682	887	42.0	55.8	671,055	N/A	1.2	-7.3	-2.5
31 KDH	30,100	-8.8	-6.5	5.0	12,462	414	75.1	1.4	358,652	15.0	1.8	13.4	8.1
32 DHG	85,000	7.6	1.2	-15.3	11,113	131	22.1	52.6	93,910	19.1	3.5	19.8	15.8
33 SBT	19,900	1.4	1.9	26.3	10,450	525	30.2	88.8	1,388,682	24.3	1.7	11.3	4.3
34 REE	33,700	9.4	7.0	-4.5	10,449	310	84.4	0.0	287,878	5.9	1.1	20.6	12.0
35 CTD	134,800	-15.8	-7.4	-11.3	10,175	75	85.5	2.2	214,817	7.3	1.3	18.8	9.2
36 DPM	22,700	1.8	20.7	23.0	8,883	391	38.1	26.4	515,273	14.6	1.1	8.8	6.5
37 GEX	21,600	-2.5	-15.3	-23.5	8,782	407	68.5	36.6	1,363,888	8.6	1.6	22.3	6.9
38 VHC	91,700	-3.5	-2.4	30.6	8,473	92	37.7	63.6	231,450	5.9	2.1	41.7	25.6
39 NT2	29,200	18.7	18.5	7.6	8,406	288	32.1	26.4	241,058	11.2	2.3	17.6	8.3
40 DXG	23,150	-2.7	-4.7	-11.0	8,098	350	66.8	0.7	1,240,961	6.8	1.6	26.7	9.8
41 GMD	25,800	-1.3	-6.0	-1.9	7,661	297	60.8	0.0	351,542	4.2	1.3	30.8	18.1
42 YEG	236,000	0.4	-15.4	16.6	7,382	31	93.2	54.7	7,698	46.5	4.8	16.5	11.9
43 SCS	145,000	0.7	0.0	N/A	7,248	50	99.1	33.2	7,795	17.4	8.6	40.8	35.2
44 PPC	22,600	24.9	27.0	20.2	7,246	321	24.7	34.5	286,494	6.3	1.3	20.7	15.9
45 PDR	25,750	1.0	-2.5	-2.5	6,860	266	37.8	43.2	602,199	10.9	2.0	20.5	6.1
46 LGC	35,300	0.0	37.4	30.7	6,808	193	N/A	4.0	2	35.8	2.6	7.5	2.0
47 VPI	41,550	-1.9	-2.0	-1.4	6,648	160	100.0	39.4	176,202	9.7	3.6	38.8	13.1
48 KBC	14,100	7.2	16.5	18.0	6,624	470	75.4	29.2	2,825,539	8.9	0.8	6.2	3.3
49 TCH	18,700	5.4	-7.9	-29.7	6,606	353	50.0	44.8	816,943	24.7	1.5	7.8	6.7
50 PAN	37,400	7.5	-2.6	-13.4	6,358	170	47.3	3.8	59,279	17.4	1.7	6.4	2.7

Nguồn: Bloomberg 31/01/2019

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Tư vấn Đầu tư – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

TRUNG TÂM TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : Trungtamtuvandautu@vndirect.com.vn

Website: <http://vndirect.com.vn>